

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 29/8/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Nông Tuấn Anh	18/03/2000	Quảng Ninh	Nam	Tày	6,5	8,0	Đạt	
2	CNTT02	Hoàng Thị Minh Ánh	01/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,0	7,0	Đạt	
3	CNTT03	Hoàng Trọng Bảo	05/06/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,7	5,0	Đạt	
4	CNTT04	Bàn Văn Chiến	12/09/2000	Bắc Giang	Nam	Dao	5,0	5,0	Đạt	
5	CNTT05	Vì Thị Chuyên	20/06/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt	
6	CNTT06	Nguyễn Đình Cương	28/02/1998	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,0	4,0	Không đạt	
7	CNTT07	Ngô Minh Đức	07/07/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
8	CNTT08	Ong Xuân Đức	02/10/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	4,0	Không đạt	
9	CNTT09	Trần Bá Giang	21/08/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
10	CNTT10	Nguyễn Thị Thu Hà	01/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
11	CNTT11	Dương Văn Hải	22/09/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
12	CNTT12	Nguyễn Ngọc Hải	05/08/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,0	7,5	Đạt	
13	CNTT13	Nguyễn Văn Hải	06/02/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	5,0	Đạt	
14	CNTT14	Ngô Thị Hạnh	02/02/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt	
15	CNTT15	Phạm Công Hảo	27/07/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt	
16	CNTT16	Trần Hữu Hiền	08/08/1966	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,5	Đạt	
17	CNTT17	Lưu Văn Hòa	15/10/1998	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,0	3,0	Không đạt	
18	CNTT18	Chu Thị Huệ	18/12/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
19	CNTT19	Hà Huy Hùng	25/08/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt	
20	CNTT20	Nguyễn Thanh Hương	24/05/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,0	Đạt	
21	CNTT21	Phạm Ngọc Lâm	17/09/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	5,0	Đạt	
22	CNTT22	Đỗ Mai Linh	05/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
23	CNTT23	Trần Thị Ái	Linh	03/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
24	CNTT24	Trần Thị Hương	Mai	13/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	2,5	Không đạt	
25	CNTT25	Nguyễn Tuấn	Mạnh	04/08/1999	Hà Nam	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt	
26	CNTT26	Vũ Phương	Nam	06/08/1999	Hung Yên	Nam	Kinh	6,7	2,0	Không đạt	
27	CNTT27	Phan Thị	Nga	15/11/2000	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,7	8,5	Đạt	
28	CNTT28	Đỗ Thị	Ngân	29/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
29	CNTT29	Hoàng Giang	Nghĩa	27/07/1997	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,2	5,0	Đạt	
30	CNTT30	Nguyễn Hồng	Nhung	17/09/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,0	Đạt	
31	CNTT31	Dương Thị	Nụ	20/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
32	CNTT32	Vi Văn	Phúc	28/08/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	6,5	Đạt	
33	CNTT33	Trần Thu	Phương	25/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,0	5,5	Đạt	
34	CNTT34	Vi Thị	Phượng	18/05/2000	Bắc Giang	Nữ	Nùng	8,5	9,0	Đạt	
35	CNTT35	Trần Hồng	Quang	05/06/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	3,0	Không đạt	
36	CNTT36	Lê Thị	Quỳnh	16/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	8,0	Đạt	
37	CNTT37	Trần Thị	Quỳnh	16/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Hoa	5,7	3,0	Không đạt	
38	CNTT38	Hà Anh	Sơn	11/12/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt	
39	CNTT39	Nguyễn Hồng	Sơn	22/11/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt	
40	CNTT40	Đào Thị Thanh	Thảo	14/11/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt	
41	CNTT41	Trương Tuấn	Thảo	06/12/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	5,0	Đạt	
42	CNTT42	Nguyễn Hữu	Thắng	27/01/1976	Hà Nội	Nam	Kinh	5,2	7,0	Đạt	
43	CNTT43	Nguyễn Văn	Thuật	21/06/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	5,0	Đạt	
44	CNTT44	Nông Kim	Thùy	28/08/2000	Tuyên Quang	Nữ	Tày	5,0	3,5	Không đạt	
45	CNTT45	Nông Văn	Toàn	13/07/1996	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt	
46	CNTT46	Nguyễn Văn	Tới	23/05/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	7,0	Đạt	
47	CNTT47	Tạ Thị Minh	Trang	02/02/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	8,5	Đạt	
48	CNTT48	Hoàng Văn	Tùng	14/07/1999	Hà Giang	Nam	Tày	5,0	2,5	Không đạt	
49	CNTT49	Chu Bá	Tuyền	22/07/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
50	CNTT50	Trần Thanh	Tuyền	11/04/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt	
51	CNTT51	Nguyễn Văn	Tuyền	06/12/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
52	CNTT52	Nguyễn Linh	Vương	02/05/1994	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	2,5	Không đạt	
53	CNTT53	Dương Thị	Bách	08/07/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
54	CNTT54	Trần Thị	Chinh	05/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
55	CNTT55	Trần Thị	Chuyên	05/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
56	CNTT56	Bùi Thị	Dền	28/04/1990	Hòa Bình	Nữ	Mường	7,2	6,5	Đạt	
57	CNTT57	Hoàng Thị	Giang	24/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
58	CNTT58	Hoàng Thị	Hà	09/04/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
59	CNTT59	Lê Thị	Hà	27/02/1991	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	8,7	6,5	Đạt	
60	CNTT60	Nguyễn Thị	Hà	08/08/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
61	CNTT61	Thăng Thị	Hà	10/10/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
62	CNTT62	Phạm Thị	Hậu	27/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
63	CNTT63	Tô Thị	Hậu	19/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
64	CNTT64	Hoàng Thị	Hiên	22/03/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt	
65	CNTT65	Hoàng Thị Thu	Hiên	30/10/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
66	CNTT66	Trần Thị	Hiên	19/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
67	CNTT67	Hà Thị	Hiên	24/07/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
68	CNTT68	Như Thị	Huyền	06/03/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
69	CNTT69	Nguyễn Thị	Hương	02/10/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
70	CNTT70	Nguyễn Thị	Hương	16/08/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
71	CNTT71	Phạm Thị	Hường	01/10/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
72	CNTT72	Hoàng Thị	Lan	05/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	9,0	Đạt	
73	CNTT73	Lê Thị	Lan	04/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
74	CNTT74	Tưởng Thị Ngọc	Liên	12/12/1994	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt	
75	CNTT75	Nguyễn Thị	Linh	03/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt	
76	CNTT76	Nguyễn Thị Kim	Loan	26/03/1974	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
77	CNTT77	Hoàng Thị	Luyện	08/06/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
78	CNTT78	Dương Thị	Mến	08/01/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
79	CNTT79	Dương Thị	Mến	09/11/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
80	CNTT80	Nguyễn Thị	Mơ	19/01/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
81	CNTT81	Vũ Thị	Mùi	15/12/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
82	CNTT82	Trần Ly	Na	10/04/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
83	CNTT83	Nguyễn Thị	Ngát	23/03/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
84	CNTT84	Ngô Thị Thúy	Ngân	31/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
85	CNTT85	Lê Thị	Ngọc	16/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
86	CNTT86	Nguyễn Thị	Ngọc	05/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
87	CNTT87	Lê Thị Lan	Nhi	27/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
88	CNTT88	Hoàng Thị	Nơi	01/08/1984	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,7	7,0	Đạt	
89	CNTT89	Hà Kiều	Oanh	09/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
90	CNTT90	Hoàng Thị Minh	Phương	02/09/1976	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,5	6,5	Đạt	
91	CNTT91	Vũ Thị	Phương	01/01/1997	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt	
92	CNTT92	Vũ Thị	Phương	06/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
93	CNTT93	Trần Thị	Quyên	14/08/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
94	CNTT94	Trịnh Ngọc	Quyên	28/07/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
95	CNTT95	Lê Thị	Sinh	13/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
96	CNTT96	Nguyễn Thị	Tâm	18/06/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
97	CNTT97	Ngô Thị	Thắm	06/02/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	Đạt	
98	CNTT98	Vũ Đình	Thị	24/04/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
99	CNTT99	Nguyễn Thị	Thơm	02/06/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
100	CNTT100	Nguyễn Thị	Thúy	10/01/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt	
101	CNTT101	Vũ Thị Diệu	Thúy	23/07/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt	
102	CNTT102	Nguyễn Thị	Thùy	19/08/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
103	CNTT103	Nguyễn Thu	Thuyên	17/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
104	CNTT104	Phạm Thị	Tuyết	28/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
105	CNTT105	Nguyễn Thị	Uyên	24/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
106	CNTT106	Phùng Thị Thúy	Vân	28/06/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
107	CNTT107	Hoàng Thị	Yên	05/05/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
108	CNTT108	Nguyễn Thị	Yên	10/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
109	CNTT109	Nguyễn Thị Hải	Yên	15/04/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
110	CNTT110	Nông Thị	Yên	07/06/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt	
111	CNTT111	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/07/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
112	CNTT112	Nguyễn Thị	Cúc	18/10/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
113	CNTT113	Nguyễn Thu	Cúc	30/08/1995	Hà Nam	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
114	CNTT114	Trần Thị	Duyên	25/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
115	CNTT115	Tạ Văn	Dự	14/09/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
116	CNTT116	Nguyễn Thị	Đề	02/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt	
117	CNTT117	Nguyễn Văn	Đông	13/08/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
118	CNTT118	Phùng Trung	Đức	11/12/1996	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7,0	7,5	Đạt	
119	CNTT119	Vũ Hà	Giang	03/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt	
120	CNTT120	Nguyễn Ngọc	Hà	18/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt	
121	CNTT121	Nguyễn Thị	Hà	03/02/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
122	CNTT122	Nguyễn Thị	Hà	26/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
123	CNTT123	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	17/10/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
124	CNTT124	Nguyễn Thị	Hằng	20/05/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
125	CNTT125	Vũ Thị	Hằng	19/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
126	CNTT126	Giáp Thị	Hiên	20/01/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
127	CNTT127	Thân Thu	Hiên	30/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt	
128	CNTT128	Lưu Thị	Hoa	29/09/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
129	CNTT129	Nguyễn Thị	Huê	26/11/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
130	CNTT130	Phạm Thị	Huệ	15/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
131	CNTT131	Từ Thị	Huệ	15/05/1990	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,7	7,5	Đạt	
132	CNTT132	Nguyễn Thị	Hương	12/08/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
133	CNTT133	Trần Thị Ngọc	Khánh	17/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
134	CNTT134	Nguyễn Văn	Kính	05/05/1975	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt	
135	CNTT135	Nguyễn Thị	Lành	11/08/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt	
136	CNTT136	Ninh Thị Thùy	Liên	08/03/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt	
137	CNTT137	Đặng Lê Khánh	Linh	17/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt	
138	CNTT138	Phan Thị Thanh	Loan	15/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
139	CNTT139	Nguyễn Thị	Luân	23/04/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
140	CNTT140	Nguyễn Thị	Mùi	11/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
141	CNTT141	Nguyễn Thị	Nga	10/05/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
142	CNTT142	Phạm Thị	Nga	22/01/1988	Hà Nam	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
143	CNTT143	Hà Thị	Ngân	29/04/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt	
144	CNTT144	Đặng Thị	Ngân	04/01/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt	
145	CNTT145	Nguyễn Thị	Nguyên	18/12/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
146	CNTT146	Dương Thị Minh	Phương	01/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
147	CNTT147	Hà Văn	Phượng	05/10/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
148	CNTT148	Dương Thị	Thanh	10/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
149	CNTT149	Ngô Thị	Thảo	01/07/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
150	CNTT150	Nguyễn Thị	Thơm	11/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
151	CNTT151	Ngô Thị Thanh	Thúy	01/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
152	CNTT152	Trần Thị Thu	Thủy	02/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	7,5	Đạt	
153	CNTT153	Trương Thị	Thương	22/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
154	CNTT154	Phạm Hương	Trà	21/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt	
155	CNTT155	Khổng Thị Minh	Trang	03/12/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
156	CNTT156	Trần Thùy	Trang	01/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,5	Đạt	
157	CNTT157	Phạm Văn	Trường	08/08/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
158	CNTT158	Đỗ Anh Tuấn	05/12/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
159	CNTT159	Nguyễn Thị Tuyết	22/10/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	Đạt	
160	CNTT160	Vũ Thị Tuyết	25/09/1991	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt	
161	CNTT161	Tô Thị Tố Uyên	25/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	6,5	Đạt	
162	CNTT162	Đào Thị Cẩm Vân	07/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
163	CNTT163	Giáp Thị Vui	10/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
164	CNTT164	Phùng Thị Xuyên	10/01/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,5	Đạt	
165	CNTT165	Dương Thị Hải Yến	08/03/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 165

Số thí sinh bỏ thi: 11

Số thí sinh dự thi: 154

Số thí sinh đạt yêu cầu: 144

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 10

Bắc Giang, ngày 03 tháng 9 năm 2020

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

(đã ký)

ThS. Nguyễn Ngọc Quang